

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 456/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 9 - 2020.
V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.
2. Ông Đoàn Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đào Thị H, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp TH, xã TMT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Bùi Thanh T, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Ấp TH, xã TMT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/5/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đào Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T tự tìm hiểu, sau đó chung sống với nhau từ năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng dần về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đời sống chung không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nên đã ly thân hơn một năm nay. Nay nhận thấy tình trạng vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu giải quyết cho ly hôn với ông T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Thái D, sinh năm 2000 đã thành niên và có khả năng lao động được.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 27/8/2020, bị đơn ông Bùi Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà H bắt đầu chung sống vào năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng dần về sau thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên đã ly thân hơn một năm. Nay bà H xin ly hôn ông T đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Thái D, sinh năm 2000 đã thành niên và có khả năng lao động được.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà Đào Thị H và ông Bùi Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T chung sống với nhau từ năm 1999, có đủ điều kiện kết hôn nên phải đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm kể từ ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực đến ngày 01 tháng 01 năm 2003 thì pháp luật mới công nhận là vợ chồng, nhưng bà H và ông T không đăng ký kết hôn và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn nên quan hệ giữa ông, bà không được công nhận là quan hệ vợ chồng, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng. Theo bà H quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đời sống chung không hòa hợp, vợ chồng không còn tiếng nói chung nên đã ly thân hơn một năm nay. Bà H và ông T đều yêu cầu ly hôn. Do bà H và ông T không đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông T theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016; Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà H và ông T có 01 con chung tên Bùi Thái D, sinh năm 2000 đã thành niên và có khả năng lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đào Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp. Ông Bùi Thanh T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đào Thị H và ông Bùi Thanh T.

2. Về quan hệ con chung: Bà H và ông T có 01 con chung tên Bùi Thái D, sinh năm 2000 đã thành niên và có khả năng lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đào Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006486 ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú. Ông Bùi Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Đào Thị H và ông Bùi Thanh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Vũ